

PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC KẠN ĐỢT 1 NĂM 2017

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
I	Thành phần môi trường không khí					
1	Khu vực quốc lộ 3 (công trường UBND phường Xuất Hóa)	KKTX-1	Quan trắc môi trường nền	2.444.682	435.239	- Vị trí: Khu vực quốc lộ 3 nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại khu vực trung tâm xã Xuất Hóa
				105°52'341	22°05'955	
2	Khu vực quốc lộ 3 (ngã 3 đường đi Chợ Đồn)	KKTX-2	Quan trắc môi trường nền	2.448.520	430.797	- Vị trí: Khu vực ngã ba nút giao thông - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại khu vực ngã 3 đường đi Chợ Đồn
				105°49'749	22°08'026	
3	Khu vực công chợ Bắc Kạn	KKTX-3	Quan trắc môi trường tác động	2.450.229	430.960	- Vị trí: Khu vực công chợ, tập trung đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực công chợ Bắc Kạn
				105°49'838	22°08'952	
4	Khu vực Bến xe TP. Bắc Kạn	KKTX-4	Quan trắc môi trường tác động	2.449.658	431.524	- Vị trí: Khu vực tập trung đông dân, nhiều loại phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực bến xe TP Bắc Kạn
				105°50'169	22°08'644	
5	Khu vực cầu Bắc Kạn II (cầu Huyện Tụng)	KKTX-6	Quan trắc môi trường nền	2.450.956	432.630	- Vị trí: Đường giao thông, khu vực nhiều phương tiện qua lại. - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại khu vực cầu Bắc Kạn II
				105°50'809	22°09'350	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
6	Khu vực ngã tư gần trường THPT Bắc Kạn	KKTX-7	Quan trắc môi trường nền	2.450.395	430.171	- Vị trí: Khu vực tập trung đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại khu vực ngã tư gần trường THPT Bắc Kạn
				105°49'376	22°09'042	
7	Khu vực phường Huyền Tụng	KKTX-8	Quan trắc môi trường nền	2.450.443	433.398	- Vị trí: Khu vực tập trung đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng môi trường không khí tại xã Huyền Tụng
				105°51'257	22°09'074	
8	Khu vực ngã ba thị trấn Chợ Rã (gần bến xe khách)	KKBB-1	Quan trắc môi trường nền	2.484.884	421.531	- Vị trí: Khu vực ngã ba nút giao thông nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại khu vực ngã ba thị trấn Chợ Rã
				105°44'254	22°27'489	
9	Khu vực ngã ba cầu Pác Co thị trấn Chợ Rã	KKBB-2	Quan trắc môi trường nền	2.483.937	419.950	- Vị trí: Khu vực ngã ba nút giao thông nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại khu vực ngã ba cầu Pác Co thị trấn Chợ Rã
				105°44'254	22°27'188	
10	Khu vực Hành chính Vườn Quốc gia hồ Ba Bể	KKBB-3	Quan trắc môi trường nền	2.480.232	410.733	- Vị trí: Khu vực hành chính vườn quốc gia Ba Bể - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực Hành chính Vườn Quốc gia hồ Ba Bể
				105°37'973	22°25'152	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
11	Khu vực xã Chu Hương (công UBND xã)	KKBB-4	Quan trắc môi trường nền	2.474.129	430.156	- Vị trí: Khu vực tập trung đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại khu vực xã Chu Hương
				105°49'306	22°21'902	
12	Khu vực xã Quảng Khê	KKBB-5	Quan trắc môi trường nền	2.472.148	416.331	- Vị trí: Khu vực tập trung đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Quảng Khê
				105°41'261	22°20'791	
13	Khu vực thị trấn Phủ Thông (ngã ba đi Ba Bê)	KKBT-1	Quan trắc môi trường nền	2.463.962	435.860	- Vị trí: Khu vực ngã ba nút giao thông, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại thị trấn Phủ Thông
				105°52'657	22°16'405	
14	Khu vực thị trấn Phủ Thông (công bệnh viện huyện)	KKBT-2	Quan trắc môi trường nền	2.463.218	435.932	- Vị trí: Khu vực tập chung đông dân cư - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại thị trấn Phủ Thông
				105°52'699	22°16'001	
15	Khu vực xã Cẩm Giàng	KKBT-3	Quan trắc môi trường tác động	2.456.367	435.610	- Vị trí: Khu vực quốc lộ 3, nhiều phương tiện qua lại, gần nhà máy luyện gang Cẩm Giàng. - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường không khí do tác động từ Nhà máy Gang, khu dân cư xã Cẩm Giàng.
				105°52'529	22°12'289	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
16	Khu vực xã Lục Bình	KKBT-4	Quan trắc môi trường nền	2.460.690	432.192	- Vị trí: Khu vực tập chung đông dân cư - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Lục Bình
				105°50'535	22°14'616	
17	Xã Mỹ Thanh	KKBT-5	Quan trắc môi trường nền	2.450.256	438.398	- Vị trí: Khu vực tập chung đông dân cư - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Mỹ Thanh
				105°54'166	22°08'983	
18	Khu vực thị trần Bằng Lũng (gần bưu điện)	KKCD-1	Quan trắc môi trường nền	2.451.374	406.486	- Vị trí: Khu vực tập chung đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại thị trấn Bằng Lũng
				105°35'602	22°09'504	
19	Khu vực xã Bản Thi (công UBND xã)	KKCD-2	Quan trắc môi trường tác động	2.460.433	397.280	- Vị trí: Công UBND xã, đường giao thông ít phương tiện qua lại. - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực xã Bản Thi.
				105°30'210	22°14'381	
20	Khu vực Lũng Váng	KKCD-3	Quan trắc môi trường tác động	2.449.804	405.355	- Vị trí: Khu vực đường giao thông nhiều phương tiện qua lại. - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực Lũng Váng.
				105°34'938	22°08'649	
21	Khu vực xã Ngọc Phái (thôn Bản Cuôn)	KKCD-4	Quan trắc môi trường tác động	2.459.159	404.385	- Vị trí: Đường giao thông ít phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực thôn Bản Cuôn, xã Ngọc Phái
				105°34'349	22°13'715	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
22	Khu vực xã Bình Trung	KKCD-5	Quan trắc môi trường nền	2.436.174	402.161	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Khu vực đường giao thông nhiều phương tiện qua lại. - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Bình Trung
				105°33'142	22°01'253	
23	Khu vực thị trấn Chợ Mới (công UBND huyện)	KKCM-1	Quan trắc môi trường nền	2.421.227	425.560	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Khu vực quốc lộ 3, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến môi trường không khí tại TT Chợ Mới
				105°46'777	21°53'223	
24	Khu vực xã Yên Đĩnh	KKCM-2	Quan trắc môi trường nền	2.422.284	426.396	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Khu vực ngã ba, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Yên Đĩnh
				105°47'261	21°53'798	
25	Khu vực KCN Thanh Bình	KKCM-3	Quan trắc môi trường tác động	2.426.190	427.750	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Gần khu công nghiệp Thanh Bình - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại KCN Thanh Bình
				105°48'029	21°55'919	
26	Khu vực xã Yên Hân	KKCM-4	Quan trắc môi trường nền	2.426.394	442.558	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí: Khu vực đông dân cư, ít phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Yên Hân
				105°56'637	21°56'061	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
27	Khu vực thị trấn Yên Lạc (công UBND huyện)	KKNR-1	Quan trắc môi trường nền	2.459.889	467.344	- Vị trí: Khu vực đông dân cư, ít phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại thị trấn Yên Lạc
				106°10'990	22°14'250	
28	Khu vực thị trấn Yên Lạc (cầu Hát Deng)	KKNR-2	Quan trắc môi trường nền	2.460.191	467.481	- Vị trí: Đường giao thông, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại thị trấn Yên Lạc
				106°11'072	21°14'414	
29	Khu vực xã Cur Lẽ (ngã ba)	KKNR-3	Quan trắc môi trường nền	2.452.640	462.799	- Vị trí: Khu vực ngã ba, đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Cur Lẽ
				106°08'358	22°10'318	
30	Khu vực xã Lạng San (chợ Tân An)	KKNR-4	Quan trắc môi trường tác động	2.461.489	458.932	- Vị trí: Khu chợ, đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại xã Lạng San
				106°06'093	22°15'107	
31	Khu vực xã Côn Minh	KKNR-5	Quan trắc môi trường nền	2.447.815	450.460	- Vị trí: Đường giao thông, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Côn Minh
				106°01'188	22°07'684	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
32	Khu vực xã Hảo Nghĩa	KKNR-6	Quan trắc môi trường nền	2.446.196	459.289	- Vị trí: Đường giao thông, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Hảo Nghĩa
				106°06'324	22°06'820	
33	Khu vực xã Vân Tùng (khu chợ)	KKNS-1	Quan trắc môi trường nền	2.418.206	447.768	- Vị trí: Khu vực tập chung đông dân cư - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Vân Tùng
				105°59'553	22°25'774	
34	Khu vực thị trấn Nà Phặc (ngã ba đi Ba Bê)	KKNS-2	Quan trắc môi trường nền	2.475.753	437.282	- Vị trí: Khu vực ngã ba, nút giao thông, tập chung đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại TT Nà Phặc
				105°53'457	22°22'797	
35	Khu vực xã Bằng Vân (Chợ Bằng Khẩu)	KKNS-3	Quan trắc môi trường nền	2.486.274	453.615	- Vị trí: Khu vực đường giao thông, đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Bằng Vân
				106°02'953	22°28'530	
36	Khu vực Bằng Lãng - xã Thượng Quan	KKNS-4	Quan trắc môi trường tác động	2.477.894	448.349	- Vị trí: Khu vực Bằng Lãng xã Thượng Quan gần nhà máy luyện chì xã Bằng Lãng - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại khu vực Bằng Lãng - xã Thượng Quan
				105°59'904	22°23'980	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
37	Khu vực xã Bộc Bồ (cổng bệnh viện)	KKPN-1	Quan trắc môi trường nền	2.501.778	414.671	- Vị trí: Cổng bệnh viện xã Bộc Bồ - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Bộc Bồ
				105°40'199	22°36'835	
38	Khu vực xã Bộc Bồ (ngã tư gần chợ)	KKPN-2	Quan trắc môi trường nền	2.502.080	414.048	- Vị trí: Ngã tư, nút giao thông, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Bộc Bồ
				105°39'836	22°37'000	
39	Khu vực xã Cổ Linh	KKPN-3	Quan trắc môi trường nền	2.495.740	411.090	- Vị trí: Khu vực tập chung đông dân cư - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Cổ Linh
				105°38'129	22°33'557	
40	Khu vực xã Nghiên Loan	KKPN-4	Quan trắc môi trường nền	2.490.001	421.000	- Vị trí: Khu vực đường giao thông, đông dân cư, nhiều phương tiện qua lại - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường không khí tại xã Nghiên Loan
				105°43'928	22°30'477	
II	Thành phần môi trường nước mặt					
1	Nước sông Cầu (cầu Dương Quang)	NMTX-1	Quan trắc môi trường nền	2.450.870	430.019	- Vị trí: Nước sông Cầu tại cầu Dương Quang - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Cầu từ đầu nguồn đến thành phố Bắc Kạn
				105°49'290	22°09'296	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
2	Nước suối Nậm Cắt	NMTX-4	Quan trắc môi trường nền	2.450.775	430.656	- Vị trí: Hạ lưu suối Nậm Cắt, trước khi hợp lưu với sông Cầu - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Nậm Cắt trước khi nhập lưu với sông Cầu
				105°49'660	22°09'247	
3	Nước suối Nông Thượng chảy qua khu dân cư Quang Sơn, Đội Kỳ	NMTX-5	Quan trắc môi trường tác động	2.450.726	431.168	- Vị trí: Nước suối Nông Thượng trước khi hợp lưu với sông Cầu - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm trong nước suối Nông Thượng chảy qua khu dân cư Quang Sơn, Đội Kỳ
				105°49'959	22°09'247	
4	Nước suối Pá Danh	NMTX-6	Quan trắc môi trường tác động	2.451.023	432.610	- Vị trí: Nước suối Pá Danh - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm trong nước suối Pá Danh
				105°50'797	22°09'260	
5	Nước suối chảy qua phường Phùng Chí Kiên và Đức Xuân	NMTX-7	Quan trắc môi trường tác động	2.450.582	431.186	- Vị trí: Nước suối chảy qua phường Phùng Chí Kiên và Đức Xuân - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm trong nước suối chảy qua phường Phùng Chí Kiên và phường Đức Xuân
				105°49'969	22°09'144	
6	Nước suối Khuổi Cuồng	NMTX-8	Quan trắc môi trường tác động	2.442.552	436.007	- Vị trí: Nước suối Khuổi Cuồng - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm trong nước suối Khuổi Cuồng chảy qua xã Xuất Hóa.
				105°52'794	22°04'804	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
7	Nước sông Năng tại cầu Tin Đồn (thị trấn Chợ Rã)	NMBB-1	Quan trắc môi trường nền	2.484.080	419.883	- Vị trí: Nước sông Năng tại cầu Tin Đồn - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Năng từ đầu nguồn tới thị trấn Chợ Rã.
				105°43'294	22°27'264	
8	Nước sông Năng tại Buộc Lôm (bến đò)	NMBB-2	Quan trắc môi trường nền	2.484.180	414.816	- Vị trí: Nước sông Năng tại Buộc Luôm - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Năng đoạn từ thị trấn Chợ Rã đến xã Khang Ninh
				105°40'340	22°27'305	
9	Nước hồ Ba Bể (Hồ 1)	NMBB-3	Quan trắc môi trường nền	2.478.907	409.169	- Vị trí: Nước hồ Ba Bể (hồ 1) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ở Hồ 1
				105°37'077	22°24'428	
10	Nước hồ Ba Bể (Hồ 3)	NMBB-4	Quan trắc môi trường nền	2.482.717	408.491	- Vị trí: Nước hồ Ba Bể (hồ 3) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ở Hồ 3 gần vị trí hợp với sông Năng
				105°36'668	22°26'494	
11	Nước suối Chợ Lèng (cầu treo Pác Ngòi)	NMBB-5	Quan trắc môi trường nền	2.476.636	411.518	- Vị trí: Nước suối Chợ Lèng tại cầu treo Pác Ngòi - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Chợ Lèng trước khi chảy vào Hồ Ba Bể
				105°38'445	22°23'208	
12	Nước suối Tà Han (tại bản Cốc Tộc)	NMBB-6	Quan trắc môi trường nền	2.479.431	408.071	- Vị trí: Nước suối Tà Han tại bản Cốc Tộc - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Tà Han trước khi chảy vào Hồ Ba Bể
				105°36'423	22°24'710	
13	Nước sông Hà	NNBB-7	Quan trắc môi	2.485.806	424.803	- Vị trí: Nước sông Hà Hiệu tại cầu treo Pác

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
	Hiệu tại cầu treo Pác Châm xã Bình Trạch		trường tác động	105°46'157	22°28'214	Châm xã Bình Trạch - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước sông Hà Hiệu trước khi hợp lưu với sông Năng
14	Nước suối Nà Cú (xã Cẩm Giàng)	NMBT-1	Quan trắc môi trường tác động	2.456.688 105°52'666	435.846 22°12'463	- Vị trí: nước suối Nà Cú tại cầu Cẩm Giàng - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước suối Nà Cú đoạn từ thị trấn Phủ Thông đến xã Cẩm Giàng (cầu Nà Cù). Các tác động do hoạt động của nhà máy Gang Cẩm Giàng
15	Nước suối Phủ Thông (tại cầu Suối To)	NMBT-2	Quan trắc môi trường nền	2.462.019 105°52'511	435.603 22°15'352	- Vị trí: Nước suối Phủ Thông tại cầu suối To - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Phủ Thông sau khi chảy qua khu vực thị trấn
16	Nước suối Nà Cú tại xã Nguyên Phúc	NMBT-3	Quan trắc môi trường tác động	2.450.986 105°53'140	436.639 22°09'375	- Vị trí: Nước suối Nà Cú tại xã Nguyên Phúc - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Nà Cù trước khi hợp lưu với sông Cầu
17	Nước suối Sỹ Bình tại xã Mỹ Thanh	NMBT-4	Quan trắc môi trường tác động	2.450.515 105°54'781	439.457 22°09'126	- Vị trí: Nước suối Sỹ Bình tại xã Mỹ Thanh - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước suối Nà Cú đoạn từ thị trấn Phủ Thông đến xã Cẩm Giàng (cầu Nà Cù). Các tác động do hoạt động của nhà máy Gang Cẩm Giàng

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
18	Nước suối Nà Tùm, xã Ngọc Phái	NMCD-1	Quan trắc môi trường nền	2.452.953	404.575	- Vị trí: Nước suối Nà Tùm xã Ngọc Phái - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Nà Tùm, xã Ngọc Phái.
				105°34'484	22°10'353	
19	Nước sông Phó Đáy (xã Bình Trung)	NMCD-2	Quan trắc môi trường nền	2.436.038	402.822	- Vị trí: Nước sông Phó Đáy tại xã Bình Trung (sau nhà máy giấy và gỗ Bình Trung) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Phó Đáy
				105°33'524	22°01'182	
20	Suối Quảng Bạch - Nam Cường (tại xã Nam Cường)	NMCD-3	Quan trắc môi trường nền	2.475.182	407.507	- Vị trí: Nước suối Quảng Bạch - Nam Cường - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Quảng Bạch - Nam Cường.
				105°36'111	22°22'407	
21	Nước suối Bản Thi (gần bệnh viện 50 giường)	NMCD-4	Quan trắc môi trường tác động	2.458.617	395.840	- Vị trí: Nước suối Bản Thi gần bệnh viện 50 giường - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm nước suối Bản Thi do các hoạt động khu mỏ Chợ Diên và sinh hoạt của nhân dân xã Bản Thi.
				105°29'379	22°13'392	
22	Nước sông Phó Đáy tại xã Bằng Lãng (cầu Tùm Tó)	NMCD-5	Quan trắc môi trường tác động	2.447.626	403.910	- Vị trí: Nước sông Phó Đáy tại xã Bằng Lãng - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm trong nước sông Phó Đáy (nhánh thứ nhất) do các hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản tại đầu nguồn.
				105°34'115	22°07'465	
23	Nước sông Cầu	NMCD-6	Quan trắc môi trường	2.449.549	413.482	- Vị trí: Nước sông Cầu tại xã Đông Viên

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
	Cầu tại xã Đông Viên (cầu treo Khâu Chủ)		trường nền	105°39'675	22°08'536	- Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Cầu. Các tác động do tự nhiên, hoạt động nông lâm nghiệp,...
24	Nước sông Phó Đáy xã Yên Nhuận (nhánh thứ hai)	NNCD-7	Quan trắc môi trường nền	2.437.028 105°35'073	405.495 22°01'728	- Vị trí: Nước sông Phó Đáy xã Yên Nhuận (nhánh thứ hai) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến nhiễm trong nước sông Phó Đáy (nhánh thứ hai) do các hoạt động dân sinh, nông lâm nghiệp,...
25	Nước sông Cầu tại xã Nông Hạ (sau vị trí xả nước thải của nhà máy giấy Đé B&H)	NMCM-1	Quan trắc môi trường tác động	2.433.635 105°49'460	430.236 21°59'959	- Vị trí: Nước sông Cầu tại xã Nông Hạ - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm trong nước Sông Cầu sau vị trí xả nước thải của nhà máy giấy Đé B&H
26	Nước sông Cầu tại xã Thanh Bình	NMCM-2	Quan trắc môi trường nền	2.426.197 105°47'765	427.284 21°55'721	- Vị trí: Nước sông Cầu tại xã Thanh Bình - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước Sông Cầu đoạn từ xã Nông Hạ đến xã Thanh Bình.
26	Nước sông Cầu (tại cầu Yên Đĩnh)	NMCM-3	Quan trắc môi trường nền	2.422.391 105°47'601	426.984 21°53'858	- Vị trí: Nước sông Cầu tại cầu Yên Đĩnh - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước Sông Cầu đoạn từ xã Thanh Bình đến cầu Yên Đĩnh

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
28	Nước suối Chợ Chu (cầu Ổ Gà)	NMCM-4	Quan trắc môi trường nền	2.420.719	424.524	- Vị trí: Nước suối Chợ Chu tại cầu Ổ Gà - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Chợ Chu trước khi nhập lưu với Sông Cầu.
				105°46'177	21°52'951	
29	Nước sông Cầu tại đền Thắm	NMCM-5	Quan trắc môi trường nền	2.420.392	425.669	- Vị trí: Nước sông Cầu tại đền Thắm - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước Sông Cầu đoạn từ cầu Yên Đình đến Đền Thắm.
				105°46'845	21°52'772	
30	Nước suối Quận tại cầu 62	NMCM-6	Quan trắc môi trường nền	2.159.642	429.751	- Vị trí: Nước suối Quận tại cầu 62 - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng, diễn biến chất lượng nước suối Quận trước khi nhập lưu với Sông Cầu
				105°49'181	21°59'642	
31	Nước sông Bắc Giang (xã Lương Thượng)	NMNR-1	Quan trắc môi trường nền	2.462.637	456.321	- Vị trí: Nước sông Bắc Giang (xã Lương Thượng) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Bắc Giang đoạn từ đầu nguồn đến xã Lương Thượng.
				106°04'571	22°15'725	
32	Nước sông Bắc Giang (cầu treo Tân An)	NMNR-2	Quan trắc môi trường nền	2.461.096	458.201	- Vị trí: Nước sông Bắc Giang (cầu treo Tân An) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Bắc Giang đoạn từ xã Lương Thượng đến xã Lạng San.
				106°07'832	22°12'904	
33	Nước sông Bắc Giang (đập Pác Cáp I)	NMNR-3	Quan trắc môi trường nền	2.457.416	461.910	- Vị trí: Nước sông Bắc Giang (đập Pác Cáp I) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Bắc Giang trước khi hợp lưu với sông Na Rì
				106°05'668	22°14'792	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
34	Nước sông Na Rì (đập Pác Cáp II)	NMNR-4	Quan trắc môi trường nền	2.457.301	461.836	- Vị trí: Nước sông Na Rì (đập Pác Cáp II) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Na Rì đoạn từ cầu Hảo Nghĩa đến đập Pác Cáp II
				106°07'789	22°12'840	
35	Nước sông Bắc Giang (cầu Hát Deng)	NMNR-5	Quan trắc môi trường nền	2.460.226	467.468	- Vị trí: Nước sông Bắc Giang (cầu Hát Deng) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Bắc Giang đoạn từ Pác Cáp đến cầu Hát Deng.
				106°11'063	22°14'434	
36	Nước sông Na Rì (cầu Hảo Nghĩa)	NMNR-6	Quan trắc môi trường nền	2.445.493	458.962	- Vị trí: Nước sông Na Rì (cầu Hảo Nghĩa) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sông Na Rì từ thượng nguồn đến cầu Hảo Nghĩa
				106°06'735	22°06'439	
37	Nước suối xã Vân Tùng (cầu Vân Tùng)	NMNS-1	Quan trắc môi trường nền	2.481.422	447.983	- Vị trí: Nước suối xã Vân Tùng - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối xã Vân Tùng, một phụ lưu của sông Bắc Giang
				105°59'680	22°25'890	
38	Nước suối Nà Phặc (tại cầu Nà Phặc)	NMNS-2	Quan trắc môi trường nền	2.475.650	437.268	- Vị trí: Nước suối Nà Phặc (tại cầu Nà Phặc) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Nà Phặc
				105°53'447	22°22'740	
39	Nước suối Cốc Đán - Thượng Ân (tại cầu tràn Nà Vài)	NMNS-3	Quan trắc môi trường nền	2.490.830	450.758	- Vị trí: Nước suối Cốc Đán - Thượng Ân (tại cầu tràn Nà Vài) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Cốc Đán-Thượng Ân
				106°01'280	22°30'993	
40	Nước suối	NMNS-4	Quan trắc môi trường nền	2.471.578	449.858	- Vị trí: Nước suối Thuận Mang (cầu Bản Giang)

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
	Thuần Mang (cầu Bản Giang)		trường nền	106°00'794	22°20'560	- Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước suối Thuần Mang
41	Nước suối chảy vào xã Bộc Bó (tại cầu tràn)	NMPN-1	Quan trắc môi trường nền	2.500.857 105°40'160	414.599 22°36'340	- Vị trí: Nước suối chảy vào xã Bộc Bó (tại cầu tràn) - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước suối trước khi chảy qua xã Bộc Bó
42	Nước suối sau khi chảy qua xã Bộc Bó	NMPN-2	Quan trắc môi trường nền	2.502.477 105°40'364	414.958 22°37'219	- Vị trí: Nước suối sau khi chảy qua xã Bộc Bó - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước suối xã Bộc Bó
43	Nước sông Năng tại xã Bộc Bó (thôn Nà Nghè)	NMPN-3	Quan trắc môi trường nền	2.502.523 105°40'400	415.021 22°37'244	- Vị trí: Nước sông Năng tại xã Bộc Bó - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước sông Năng xã Bộc Bó
III	Thành phần môi trường nước ngầm					
1	Phường Sông Cầu (giếng khoan nhà máy nước Bắc Kạn)	NGTX-1	Quan trắc môi trường nền	2.450.647 105°49'692	430.708 22°09'178	- Vị trí: Nước giếng lấy tại nhà máy nước - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm; các tác động của hoạt động sinh hoạt, dịch vụ, công nghiệp,...tới nguồn nước ngầm
2	Phường Nguyễn Thị Minh Khai (nhà dân)	NGTX-2	Quan trắc môi trường nền	2.451.263 105°50'620	432.307 22°09'515	- Vị Trí: Nước giếng nhà ông Hoàng Bế Bình - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại phường Minh Khai; Các tác động của hoạt động sinh hoạt, dịch vụ, công nghiệp,...tới nguồn nước ngầm

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
3	Phường Phùng Chí Kiên (nhà dân)	NGTX-3	Quan trắc môi trường nền	2.448.536	430.742	- Vị trí: Nước giếng nhà bà Giàu Văn Phình - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại phường Chí Kiên; Các tác động của hoạt động sinh hoạt, dịch vụ, công nghiệp,...tới nguồn nước ngầm
				105°49'726	22°08'035	
4	Phường Đức Xuân (nhà dân)	NGTX-4	Quan trắc môi trường nền	2.449.420	431.548	- Vị trí: Mẫu nước ngầm phường Đức Xuân (nhà nghỉ Duy Linh) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm của phường; các tác động của hoạt động sinh hoạt, dịch vụ, công nghiệp,...tới nguồn nước ngầm
				105°50'171	22°08'511	
5	Phường Huyền Tụng (thôn Đon Tuấn)	NGTX-5	Quan trắc môi trường tác động	2.453.445	432.243	- Vị trí: Nước giếng nhà bà Nguyễn Thị Thành - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước ngầm tại khu vực thôn Đon Tuấn, xã Huyền Tụng
				105°50'576	22°10'699	
6	Nhà máy nước thị trấn Chợ Rã	NGBB-1	Quan trắc môi trường nền	2.483.279	421.717	- Vị trí: Nhà máy nước thị trấn Chợ Rã - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm của Nhà máy nước thị trấn Chợ Rã
				105°44'366	22°26'837	
7	Xã Chu Hương (nhà dân)	NGBB-3	Quan trắc môi trường nền	2.474.155	430.149	- Vị trí: Xã Chu Hương (nhà dân) - Mục đích, ý nghĩa: Theo dõi hiện trạng môi trường nước ngầm tại xã Chu Hương
				105°49'305	22°21'915	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
8	Xã Quảng Khê (nhà dân)	NGBB-4	Quan trắc môi trường nền	2.472.154	416.331	- Vị trí: Xã Quảng Khê (nhà dân) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm của xã Quảng Khê
				105°41'264	22°20'821	
9	Thị trấn Phủ Thông	NGBT-1	Quan trắc môi trường nền	2.463.966	435.861	- Vị trí: Nước giếng nhà bà Bùi Thị Thảo - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại khu vực thị trấn Phủ Thông
				105°52'659	22°16'407	
10	Xã Cẩm Giàng	NGBT-2	Quan trắc môi trường tác động	2.456.517	435.853	- Vị trí: Nước giếng nhà ông Tống Ngọc Thao - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước ngầm của xã Cẩm Giàng
				105°52'671	22°12'371	
11	Xã Lục Bình (nhà dân)	NGBT-3	Quan trắc môi trường nền	2.460.681	432.190	- Vị trí: Nước giếng nhà ông Hoàng Văn Cấp - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm của xã Lục Bình
				105°50'528	22°14'618	
12	Xã Đôn Phong (Bản Vén)	NGBT-4	Quan trắc môi trường tác động	2.451.956	424.559	- Vị trí: Nước giếng nhà ông Hà Văn Quyền - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước ngầm tại Bản Vén xã Đôn Phong. Tác động do điểm tồn dư hóa chất BVTV
				105°46'110	22°09'871	
13	Xã Sỹ Bình (cổng UBND xã)	NGBT-5	Quan trắc môi trường nền	2.464.096	440.614	- Vị trí: Xã Sỹ Bình (cổng UBND xã) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm của xã Sỹ Bình.
				105°55'424	22°16'488	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
14	Giếng Mắt Rồng thị trấn Bằng Lũng	NGCD-1	Quan trắc môi trường nền	2.451.123	406.496	- Vị trí: Nước ngầm tại giếng mắt rồng - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại khu vực thị trấn Bằng Lũng
				105°35'606	22°09'368	
15	Thị trấn Bằng Lũng (nhà dân)	NGCD-2	Quan trắc môi trường nền	2.451.427	406.471	- Vị trí: Nước ngầm nhà ông Giá Hoàng Tiến - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại khu vực thị trấn Bằng Lũng
				105°35'590	22°09'533	
16	Xã Bản Thi	NGCD-3	Quan trắc môi trường tác động	2.460.469	397.233	- Vị trí: Nước ngầm nhà ông Nguyễn Trùng Dương - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm nước ngầm tại xã Bản Thi do các tác động của hoạt động khai khoáng
				105°30'183	22°14'400	
17	Xã Bằng Lãng (thôn Tùm Tó)	NGCD-4	Quan trắc môi trường tác động	2.447.578	403.911	- Vị trí: Nước ngầm nhà ông Lưu Văn Thiện - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá mức độ ô nhiễm nước ngầm tại xã Bằng Lãng
				105°34'114	22°07'438	
18	Xã Đông Viên (nhà dân)	NGCD-5	Quan trắc môi trường nền	2.449.904	413.456	- Vị trí: Xã Đông Viên (nhà dân) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm của xã Đông Viên
				105°39'659	22°08'729	
19	Xã Nam Cường (thôn Cốc Lùng)	NGCD-6	Quan trắc môi trường nền	2.475.543	407.350	- Vị trí: Xã Nam Cường (thôn Cốc Lùng) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm của xã Nam Cường
				105°36'017	22°22'602	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
20	Thị trấn Chợ Mới (khu vực chợ)	NGCM-1	Quan trắc môi trường nền	2.420.797	480.496	- Vị trí: Nước ngầm nhà bà Vi Thị Phương - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại khu vực thị trấn Chợ Mới
				105°47'164	21°52'928	
21	Xã Yên Hân (nhà dân)	NGCM-4	Quan trắc môi trường nền	2.426.379	442.559	- Vị trí: Xã Yên Hân (nhà dân) - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại xã Yên Hân
				105°56'636	22°26'053	
22	Thị trấn Yên Lạc (nhà máy nước)	NGNR-1	Quan trắc môi trường nền	2.460.558	467.493	- Vị trí: Nước ngầm tại nhà máy nước - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sinh hoạt thị trấn Yên Lạc
				106°11'076	22°14'613	
23	Xã Lương Thượng (nhà dân)	NGNR-2	Quan trắc môi trường tác động	2.462.851	456.511	- Vị trí: Nước ngầm tại nhà ông Nông Văn Toòng - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước ngầm tại xã Lương Thượng
				106°04'682	22°15'842	
24	Xã Cư Lễ (nhà dân)	NGNR-3	Quan trắc môi trường nền	2.452.628	462.755	- Vị trí: Nước ngầm tại nhà bà Nông Thị Hằng - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại xã Cư Lễ
				106°08'349	22°10'311	
25	Xã Vân Tùng	NGNS-2	Quan trắc môi trường nền	2.481.093	447.902	- Vị trí: Nước ngầm tại nhà máy nước - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại khu vực xã Vân Tùng
				105°59'631	22°25'711	
26	Xã Bằng Vân (khu vực Bằng Khâu)	NGNS-3	Quan trắc môi trường nền	2.486.234	435.629	- Vị trí: Nước ngầm tại nhà ông Đàm Quang Hàm - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm tại xã Bằng Vân
				106°02'962	22°28'508	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
27	Xã Cốc Đán (thôn Hoàng Phài)	NGNS-4	Quan trắc môi trường tác động	2.489.019	445.681	- Vị trí: Xã Cốc Đán (thôn Hoàng Phài) - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng nước ngầm tại xã Cốc Đán
				105°58'324	22°30'002	
28	Xã Bộc Bó (trạm cấp nước sinh hoạt tại Bó Lục)	NGPN-1	Quan trắc môi trường nền	2.500.815	414.590	- Vị trí: Nước ngầm tại trạm cấp nước sinh hoạt - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước sinh hoạt xã Bộc Bó
				105°40'155	22°36'308	
29	Xã Bộc Bó (nhà dân)	NGPN-2	Quan trắc môi trường nền	2.501.772	414.661	- Vị trí: Nước ngầm tại nhà bà Hoàng Thị Huyền - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng nước ngầm xã Bộc Bó
				105°40'193	22°36'836	
IV	Thành phần môi trường đất					
1	Phường Huyền Tụng	ĐTX-1	Quan trắc môi trường nền	2.453.444	432.217	- Vị trí: Đất trồng lúa tại cánh đồng Khuổi Thuồm - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất xã Huyền Tụng
				105°50'562	22°10'697	
2	Phường Xuất Hóa (đất nông nghiệp)	ĐTX-2	Quan trắc môi trường nền	2.444.566	435.264	- Vị trí: Đất trồng lúa tại cánh đồng Xuất Hóa - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất nông nghiệp xã Xuất Hóa
				105°52'357	22°05'894	
3	Phường Sông Cầu (đất trồng rau)	ĐTX-3	Quan trắc môi trường nền	2.450.607	430.606	- Vị trí: Đất trồng rau tại phường Sông Cầu - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất trồng rau phường Sông Cầu
				105°49'633	22°09'155	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
4	Khu vực Bản Áng	ĐTX-4	Quan trắc môi trường tác động	2.449.631	432.198	- Vị trí: Đất tại bãi rác Bản Áng (bãi rác cũ) - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất khu vực Bản Áng
				105°50'560	22°08'631	
5	Xã Mỹ Phương (đất nông nghiệp)	ĐBB-1	Quan trắc môi trường nền	2.469.566	431.568	- Vị trí: Đất nông nghiệp tại cánh đồng xã Mỹ Phương - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất nông nghiệp xã Mỹ Phương
				105°50'143	22°19'432	
6	Xã Thượng Giáo (đất nông nghiệp)	ĐBB-2	Quan trắc môi trường nền	2.484.918	420.302	- Vị trí: Đất nông nghiệp tại xã Thượng Giáo - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất nông nghiệp tại xã Thượng Giáo
				105°43'535	22°27'720	
7	Đất khu vực Đồn Đền	ĐBB-3	Quan trắc môi trường tác động	2.481.638	415.075	- Vị trí: Đất tại khu vực Đồn Đền - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất khu vực Đồn Đền, các tác động do hoạt động trồng hoa tại Đồn Đền
				105°41'180	22°24'668	
8	Xã Quang Thuận (đất trồng cây Cam, Quýt)	ĐBT-1	Quan trắc môi trường tác động	2.447.520	424.445	- Vị trí: Đất trồng cam, quýt tại xã Quang Thuận - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất trồng cây Cam, Quýt xã Quang Thuận
				105°46'057	22°07'468	
9	Xã Cẩm Giàng (đất nông nghiệp)	ĐBT-2	Quan trắc môi trường nền	2.456.271	435.254	- Vị trí: Đất trồng lúa tại xã Cẩm Giàng - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất nông nghiệp xã Cẩm Giàng
				105°52'322	22°12'236	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
10	Đất Bản Vén xã Đôn Phong	ĐBT-3	Quan trắc môi trường tác động	2.451.934	424.559	- Vị trí: Đất vườn nhà ông Hà Văn Quyền - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất của điểm tồn dư hóa chất BVTV tại Bản Vén, xã Đôn Phong
				105°46'106	22°09'860	
11	Thị trấn Bằng Lũng (đất trồng rau gần giếng Mắt Rồng)	ĐCĐ-1	Quan trắc môi trường nền	2.451.086	406.515	- Vị trí: Đất trồng rau tại thị trấn Bằng Lũng - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất trồng rau gần giếng Mắt Rồng, thị trấn Bằng Lũng
				105°35'617	22°09'348	
12	Xã Bản Thi	ĐCĐ-2	Quan trắc môi trường tác động	2.460.358	396.664	- Vị trí: Đất gần khu vực xưởng tuyn - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất khu vực xã Bản Thi (không lấy đất trong khu vực khai thác mỏ)
				105°29'855	22°14'338	
13	Xã Phương Viên	ĐCĐ-3	Quan trắc môi trường nền	2.455.986	411.394	- Vị trí: Đất trồng lúa xã Phương Viên - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất xã Phương Viên
				105°38'237	22°10'630	
14	Khu vực Lũng Váng	ĐCĐ-4	Quan trắc môi trường tác động	2.449.651	405.063	- Vị trí: Đất khu vực Lũng Váng - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất khu vực Lũng Váng, thị trấn Bằng Lũng (không lấy đất trong khu vực khai thác mỏ)
				105°34'780	22°08'563	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
15	Thị trấn Chợ Mới (Khu vực xung quanh Chi nhánh Vật tư Nông nghiệp)	ĐCM-1	Quan trắc môi trường tác động	2.420.905	425.604	- Vị trí: Đất khu vực xung quanh chi nhánh vật tư nông nghiệp - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất tại khu vực xung quanh Chi nhánh Vật tư Nông nghiệp huyện Chợ Mới
				105°46'803	21°53'049	
16	Khu Công nghiệp Thanh Bình	ĐCM-2	Quan trắc môi trường tác động	2.426.305	427.583	- Vị trí: Đất tại vị trí khu công nghiệp Thanh Bình - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất tại KCN Thanh Bình
				105°47'938	22°55'981	
17	Xã Hòa Mực (đất nông nghiệp)	ĐCM-3	Quan trắc môi trường nền	2.438.460	432.699	- Vị trí: Đất trồng mía tại xã Hòa Mực - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất nông nghiệp xã Hòa Mực
				105°50'880	22°02'579	
18	Thị trấn Yên Lạc (đất khu vực gần chợ)	ĐNR-1	Quan trắc môi trường nền	2.460.725	467.456	- Vị trí: Đất gần khu vực chợ Yên Lạc - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất tại khu vực thị trấn Yên Lạc
				106°11'055	22°14'704	
19	Xã Lương Thượng (thôn Pàn Xá)	ĐNR-2	Quan trắc môi trường tác động	2.462.749	456.456	- Vị trí: Đất trồng lúa tại xã Lương Thượng - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất tại xã Lương Thượng
				106°04'651	22°15'786	

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu	Kiểu quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				X (m)	Y (m)	
				Kinh độ	Vĩ độ	
20	Thị trấn Nà Phặc (đất nông nghiệp)	ĐNS-1	Quan trắc môi trường nền	2.475.912	437.334	- Vị trí: Đất trồng lúa thị trấn Nà Phặc - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất trồng lúa tại thị trấn Nà Phặc
				105°53'487	22°22'884	
21	Xã Bằng Vân (đất nông nghiệp)	ĐNS-2	Quan trắc môi trường nền	2.486.763	453.492	- Vị trí: Đất nông nghiệp tại xã Bằng Vân - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất nông nghiệp (trồng cây thuốc lá) xã Bằng Vân
				106°02'881	22°28'794	
22	Xã Vân Tùng (khu vực xung quang kho thuốc BVTV cũ)	ĐNS-3	Quan trắc môi trường tác động	2.481.086	448.201	- Vị trí: Đất khu thuốc BVTV cũ xã Vân Tùng - Mục đích, ý nghĩa: Đánh giá chất lượng đất của điểm tồn dư hóa chất BVTV tại xã Vân Tùng
				105°59'803	22°25'709	
23	Xã Bộc Bó (đất nông nghiệp)	ĐPN-1	Quan trắc môi trường nền	2.501.733	414.665	- Vị trí: Đất nông nghiệp tại xã Bộc Bó - Mục đích, ý nghĩa: Hiện trạng và diễn biến chất lượng đất tại khu vực xã Bộc Bó; Tác động của hoạt động nông nghiệp tới môi trường đất
				105°40'196	22°36'815	
24	Xã Nghiên Loan	ĐPN-2	Quan trắc môi trường nền	2.495.124	418.373	- Vị trí: Đất nông nghiệp xã Nghiên Loan - Mục đích, ý nghĩa: trạng và diễn biến chất lượng đất nông nghiệp xã Nghiên Loan
				105°42'381	22°33'246	